

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TRÀ CÚ
TỈNH TRÀ VINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 16/2022/HNGĐ-ST

Ngày 16-5-2022

*“V/v Tranh chấp nam, nữ chung
sống với nhau như vợ chồng mà
không đăng ký kết hôn”*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRÀ CÚ, TỈNH TRÀ VINH

Thành phần tiến hành xét xử sơ thẩm theo thủ tục rút gọn gồm:

- *Thẩm phán:* Ông Trần Văn Tấn;

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Tiết Thị Long, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Trà Cú, tỉnh Trà Vinh.

Ngày 16 tháng 5 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Trà Cú, tỉnh Trà Vinh mở phiên tòa xét xử công khai sơ thẩm vụ án dân sự theo thủ tục rút gọn thụ lý số: 185/2022/TLST-HNGĐ ngày 09 tháng 5 năm 2022 về việc *“Tranh chấp về nam, nữ chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn”*.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 15/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 09 tháng 5 năm 2022 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông Sơn Ph, sinh năm 1980 (có đơn xin xét xử vắng mặt);

- *Bị đơn:* Bà Lý Tuyết Ng, sinh năm 1977 (có đơn xin xét xử vắng mặt);

Cùng địa chỉ: ấp C, xã Đ, huyện T, tỉnh Trà Vinh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và bản tự khai ngày 09/5/2022 của nguyên đơn ông Sơn Ph trình bày: vào năm 2001, do quen biết trước và qua tìm hiểu nên ông và bà Lý Tuyết Ng có tự nguyện xác lập quan hệ hôn nhân với nhau, được sự đồng ý và cho phép tổ chức lễ cưới của hai bên gia đình. Nhưng không có đăng ký kết hôn theo đúng quy định của pháp luật. Sau ngày cưới hai bên về sống bên chồng tại ấp C, xã Đ, huyện T, tỉnh Trà Vinh. Vợ chồng sống hạnh phúc, luôn quan tâm, chăm sóc lẫn nhau. Đến năm 2014 thì giữa hai bên phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống, tính tình không hợp, hay cự cãi, hai bên có cố gắng hàn gắn nhưng không được. Đến nay nhận thấy giữa hai bên đã ly thân lâu, không hàn gắn được, không còn quan tâm, chăm sóc nhau, tình cảm không còn, mục đích hôn

nhân không đạt được nên ông yêu cầu Tòa án không công nhận ông với bà Lý Tuyết Ng là vợ chồng.

Về con chung: tên Sơn Thị Tuyết M, sinh ngày 20/5/2002 đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai ngày 09/5/2022 bị đơn bà Lý Tuyết Ng trình bày: Do quen biết và qua thời gian tìm hiểu nên bà và ông Sơn Ph tự nguyện tiến tới hôn nhân nhưng không đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Hai vợ chồng về chung sống bên chồng ở ấp C, xã Đ, huyện Tr, tỉnh Trà Vinh. Vợ chồng chung sống với nhau rất hạnh phúc, luôn quan tâm chăm sóc lẫn nhau. Đến năm 2014 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất hòa trong cuộc sống, hai bên vì muốn gìn giữ hạnh phúc gia đình nên cố gắng nhường nhịn nhau để có cuộc sống êm ấm nhưng không có kết quả. Từ đó sống ly thân cho đến nay. Nay nhận thấy giữa vợ chồng ly thân đã lâu, không thể hàn gắn được nên bà đồng ý với yêu cầu của ông Ph yêu cầu Tòa án không công nhận là vợ chồng.

Quá trình chung sống có 01 con chung tên Sơn Thị Tuyết M, sinh ngày 20/5/2002 đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Thẩm phán nhận định:

[1] Về tố tụng: Tòa án nhân dân huyện Trà Cú, tỉnh Trà Vinh thụ lý vụ án theo thủ tục rút gọn, nên đã đưa vụ án ra xét xử đúng hạn luật định. Do nguyên đơn ông Sơn Ph và bị đơn bà Lý Tuyết Ng đều có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt đối với các đương sự theo quy định tại Điều 318, 320 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Ông Sơn Ph và bà Lý Tuyết Ng tự nguyện xác lập quan hệ hôn nhân với nhau vào năm 2001 nhưng không có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Cuộc sống chung của vợ chồng thời gian đầu rất hạnh phúc đến năm 2014 thì giữa các bên bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, không quan tâm, chăm sóc nhau, việc này cả hai bên đều thừa nhận nên các đương sự yêu cầu Tòa án giải quyết không công nhận ông, bà là vợ chồng. Căn cứ khoản 1, Điều 14; Điều 15; Điều 16; khoản 2, Điều 53 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 và khoản 4, Điều 3 của Thông tư liên tịch số 01/2016/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 06 tháng 01 năm 2016 hướng dẫn thi hành một số quy định của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định “*Trường hợp nam nữ chung sống với nhau như vợ chồng mà không có đăng ký kết hôn và có yêu cầu ly hôn thì Tòa án thụ lý giải quyết và*

tuyên bố không công nhận quan hệ hôn nhân giữa họ”. Đối chiếu với trường hợp của ông Ph và bà Ng sống chung với nhau như vợ chồng từ năm 2001 cho đến nay mà không có đăng ký kết hôn, nay có yêu cầu ly hôn, Tòa án không công nhận ông Sơn Ph và bà Lý Tuyết Ng là vợ chồng.

[3] Về con chung: có 01 người con chung tên Sơn Thị Tuyết M, sinh ngày 20/5/2002 đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: Ông Sơn Ph và bà Lý Tuyết Ng xác định vợ chồng không có tài sản chung và nợ chung nên không xem xét.

[5] Về án phí: Ông Sơn Ph là nguyên đơn trong vụ án ly hôn nên phải chịu án phí dân sự sơ thẩm không có giá ngạch theo quy định tại khoản 4, Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 và khoản 2, Điều 6 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ:

- Khoản 8, Điều 28; điểm a, khoản 1, Điều 35; Điều 36; điểm a, khoản 1, Điều 39; khoản 4, Điều 147 và các Điều 228; 238; 320; 321; 322 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Khoản 1, Điều 14; Điều 15; Điều 16; khoản 2, Điều 53; Điều 57 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Khoản 2, Điều 6 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Không công nhận ông Sơn Ph và bà Lý Tuyết Ng là vợ chồng.
2. Về con chung: có 01 người con chung tên Sơn Thị Tuyết M, sinh ngày 20/5/2002 đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.
3. Về tài sản chung và nợ chung: Không có và không yêu cầu nên không xem xét.
4. Về án phí: Ông Sơn Ph phải chịu 150.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà ông Sơn Ph đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu số 0009624 ngày 09/5/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Trà Cú, tỉnh Trà Vinh. Ông Sơn Ph được nhận lại số tiền 150.000 đồng.

5. Quyền kháng cáo: Đương sự được quyền kháng cáo Bản án trong hạn 07 ngày kể từ ngày tuyên án. Đối với đương sự không có mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo 07 ngày tính từ ngày Bản án được giao hoặc Bản án được niêm yết.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Trà Vinh;
- VKSND huyện Trà Cú;
- Chi cục THADS huyện Trà Cú;
- UBND xã;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký và đóng dấu)

Trần Văn Tấn